

Số: ~~///~~QĐ- THS1TG

Tuần Giáo, ngày 29 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán năm 2026
của Trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 24/05/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường năm 2026

Xét đề nghị của bộ phận tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2026 của trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo. *(biểu chi tiết kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 29/05/2026 đến 28/06/2026 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường TH Số 1 Tuần Giáo;
- Các bộ phận;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Hòa

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-TĐ ngày 27/5/2024 của Trường TH số 1 Tuần Giáo)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	



-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	120.744.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	120.744.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	

2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	



4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Tuần Giáo, Ngày 29 tháng 05 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đặng Thị Hoà

Số: 448 /QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 24 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026, xã Tuần Giáo

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tuần Giáo chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 198-TB/ĐU ngày 21/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND xã Tuần Giáo về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Tuần Giáo tại Tờ trình số 93/TTr-PKT ngày 09/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026, xã Tuần Giáo, nội dung như sau:

1. Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên

Điều chỉnh giảm dự toán **3.036.500.000 đồng** của Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã để điều chỉnh tăng tương ứng cho Ban Chỉ huy quân sự xã, Công an xã, Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất xã.

(Chi tiết như Biểu số 01 kèm theo)

2. Bổ sung dự toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh

Bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị: **1.497.938.000 đồng** để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh từ các nguồn chưa phân bổ chi tiết tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo, cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục: 41.510.000 đồng.

- Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 952.000.000 đồng.

- Chi khác ngân sách: 407.188.000 đồng.

- Dự phòng ngân sách: 97.240.000 đồng.

(Chi tiết như Biểu số 02 kèm theo)

3. Bổ sung dự toán chi thường xuyên để thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Bổ sung dự toán cho các đơn vị **2.014.560.000 đồng** để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chi tiết:

- Bổ sung dự toán để thực hiện chính sách giáo dục với người khuyết tật: 355.680.000 đồng từ nguồn sự nghiệp giáo dục chưa phân bổ chi tiết tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã.

- Bổ sung dự toán để thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 1.658.880.000 đồng từ nguồn sự nghiệp giáo dục chưa phân bổ chi tiết, gồm:

+ Từ nguồn chuyển nguồn tại Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã: chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: 854.836.000 đồng.

+ Từ dự toán năm 2025 tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã: Chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP: 702.000.000 đồng và Chính sách giáo dục với người khuyết tật: 102.044.000 đồng.

(Chi tiết như Biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 5; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN
NHÂN DÂN CHỦ
TỊCH**



Quàng Văn Cường

Biểu số 03

**BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG DƯ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 448 /QĐ-UBND ngày/24 /05 /2026 của UBND xã Tuấn Giáo)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Khoản	Nguồn	Chính sách giáo dục với người khuyết tật (05 tháng đầu năm 2026)	Chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP (05 tháng đầu năm 2025)	Tổng số
	Tổng số			355.680.000	1.658.880.000	2.014.560.000
1	Trường MN Tuấn Giáo	071	12		34.200.000	34.200.000
2	Trường MN 20/7	071	12		16.200.000	16.200.000
3	Trường MN Quài Cang	071	12		301.320.000	301.320.000
4	Trường MN Quài Nưa	071	12	9.360.000	135.720.000	145.080.000
5	Trường MN Sơn Ca	071	12	9.360.000	79.200.000	88.560.000
6	Trường TH số 1 Tuấn Giáo	072	12		120.744.000	120.744.000
7	Trường TH số 2 Tuấn Giáo	072	12	28.080.000	177.840.000	205.920.000
8	Trường TH Quài Cang	072	12	18.720.000	56.160.000	74.880.000
9	Trường TH số 2 Quài Cang	072	12	28.080.000	56.160.000	84.240.000
10	Trường TH số 1 Quài Nưa	072	12	28.080.000	43.992.000	72.072.000
11	Trường TH số 2 Quài Nưa	072	12	46.800.000		46.800.000
12	Trường THCS Tuấn Giáo	073	12		415.080.000	415.080.000
13	Trường THCS Quài Cang	073	12	149.760.000	129.600.000	279.360.000
14	Trường THCS Quài Nưa	073	12	37.440.000	92.664.000	130.104.000

